

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3803/BTP-VP

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2014

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tại
kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XIII

Kính gửi:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bình Dương, Bình Định, Bình Thuận, Cà Mau, Điện Biên, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Hòa Bình, Kiên Giang, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Lào Cai, Lạng Sơn, Long An, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sơn La, Thái Nguyên, Tây Ninh, Tiền Giang, Tuyên Quang,
- Ban Dân nguyện, Ủy ban thường vụ Quốc hội,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chính phủ,

Bộ Tư pháp nhận được Công văn số 215/BDN ngày 26/6/2014 của Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội và Công văn số 5111/VPCP-V.III ngày 08/7/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIII, với tổng số 38 kiến nghị (29 kiến nghị do Ban Dân nguyện chuyển, 9 kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển). Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy trong số các kiến nghị do Ban Dân nguyện chuyển đến, kiến nghị số 29 và kiến nghị số 21 có nội dung trùng nhau. Do vậy, tổng số kiến nghị thực tế thuộc thẩm quyền trả lời của Bộ Tư pháp là 37.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Tư pháp xin trả lời các kiến nghị của cử tri theo nhóm vấn đề như sau:

I. Kiến nghị về việc triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 và Luật đất đai (sửa đổi)

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hải Phòng, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, Lạng Sơn, Phú Yên, Quảng Trị, Tiền Giang:

a) **Cử tri thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang:** Đề nghị Chính phủ sớm trình Quốc hội xem xét thông qua các dự án luật và các quy định pháp luật phù hợp với Hiến pháp (sửa đổi) lần này để Hiến pháp sớm đi vào thực tế đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi công dân thực hiện tốt nghĩa vụ "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" của mình, góp phần ổn định và phát triển đất nước.

b) Cử tri tỉnh Phú Yên: Đề nghị sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Hiến pháp (sửa đổi) và Luật đất đai (sửa đổi) mới được Quốc hội thông qua.

c) Cử tri thành phố Hải Phòng, các tỉnh Lạng sơn, Quảng Trị, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu: Đề nghị Nhà nước tăng cường công tác tuyên truyền nội dung Hiến pháp 2013 mới được thông qua, in ấn gửi đến tận thôn bản, khối phố cho nhân dân đọc và tìm hiểu.

d) Cử tri tỉnh Bình Định: Trong quá trình triển khai Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại kỳ họp thứ 6 (Hiến pháp mới) cần chú trọng tăng kinh phí cung cấp văn bản Hiến pháp mới để tạo điều kiện thuận lợi cho đông đảo nhân dân nghiên cứu, tiếp thu các nội dung mới của Hiến pháp, cần đánh giá, tổng kết đầy đủ việc thực hiện các văn bản pháp luật đã có để bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành văn bản mới đảm bảo phù hợp với Hiến pháp, sát thực tiễn, hiệu quả và có tính ổn định lâu dài.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

a) Về việc triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013:

Trên cơ sở nhiệm vụ của Chính phủ được giao tại Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 ngày 02/01/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 13/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 251/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch của Chính phủ tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Kế hoạch của Chính phủ đã xác định 3 nhóm nhiệm vụ chính là: (1) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, tập huấn về nội dung và ý nghĩa của Hiến pháp; (2) Rà soát, lập danh mục đề xuất bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiến pháp và (3) Tổ chức xây dựng các văn bản văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiến pháp. Đến nay, tất cả các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành Kế hoạch tổ chức thi hành Hiến pháp và tổ chức thực hiện bám sát yêu cầu của Trung ương và phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng Bộ, ngành, địa phương mình.

- Về việc tăng cường công tác tuyên truyền nội dung Hiến pháp 2013 mới được thông qua; in ấn gửi đến tận thôn bản, khối phố cho nhân dân đọc và tìm hiểu; tăng kinh phí cung cấp văn bản Hiến pháp mới để tạo điều kiện thuận lợi cho đông đảo nhân dân nghiên cứu, tiếp thu các nội dung mới của Hiến pháp

Sau khi Hiến pháp được thông qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Ngoại giao xây dựng tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp; tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc giới thiệu, phổ biến về nội dung, ý nghĩa của Hiến pháp cho báo cáo viên, tuyên truyền viên các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh. Ở các Bộ, cơ quan, địa phương, công tác tuyên

truyền, phổ biến, giới thiệu, tập huấn về nội dung của Hiến pháp trong ngành, địa phương mình được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện dưới nhiều hình thức như: (i) Đăng tải toàn văn Hiến pháp và các văn bản, tài liệu triển khai thi hành Hiến pháp trên Cổng thông tin điện tử, báo, tạp chí; (ii) Mở chuyên trang, chuyên mục về Hiến pháp và triển khai thi hành Hiến pháp hoặc chương trình, phóng sự giới thiệu về nội dung Hiến pháp; (iii) Tổ chức các hội nghị quán triệt, phổ biến, giới thiệu tập huấn về nội dung, ý nghĩa của Hiến pháp (bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc truyền hình phát thanh trực tiếp) với quy mô và đối tượng khác nhau... (iv) Tổ chức các hội thảo, tọa đàm để nghiên cứu, bình luận về nội dung Hiến pháp, tạo cách hiểu thống nhất về các quy định của Hiến pháp...

Đối với việc in và phát tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp, trên cơ sở tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp do Bộ Tư pháp phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương soạn thảo, Bộ Tư pháp đã tổ chức in và phát hành đến các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, làm cơ sở để các Bộ, ngành, địa phương in nổi bản, cấp phát cho Bộ, ngành, địa phương mình. Hiện nay, ở nhiều địa phương tài liệu tuyên truyền Hiến pháp đã được cung cấp rộng rãi đến cán bộ, người dân...

Trong thời gian tới, để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp, pháp luật nhằm nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành Hiến pháp, pháp luật, góp phần đưa Hiến pháp và pháp luật vào cuộc sống, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục triển khai một số hoạt động như: tổ chức tập huấn chuyên sâu về nội dung của Hiến pháp cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, cán bộ pháp chế các Bộ, ngành ở Trung ương; tổ chức rà soát, biên soạn lại sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu nghiên cứu, giảng dạy về Hiến pháp và pháp luật; tổ chức tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp, các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội với nội dung và hình thức phù hợp gắn với việc tổ chức Ngày pháp luật năm 2014, phát huy vai trò của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp; tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” trên phạm vi toàn quốc...

- Về việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai Hiến pháp

Theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 251/QĐ-TTg, dự kiến số dự án luật, pháp lệnh do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội là 82 văn bản, tập trung cao điểm vào các năm 2014 - 2016. Trên cơ sở kết quả rà soát của các Bộ, cơ quan, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, cơ quan tham mưu giúp Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014; dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015. Hiện nay, các Bộ, cơ quan được giao chủ trì xây dựng các luật, pháp lệnh đang khẩn trương tổ chức nghiên cứu, soạn thảo các luật, pháp lệnh theo Chương trình. Để bảo đảm tiến độ, chất lượng xây dựng các dự án luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp, Bộ Tư pháp đã

tham mưu giúp Chính phủ thực hiện một số giải pháp như: (1) tổ chức phiên họp chuyên đề của Chính phủ về xây dựng pháp luật để thảo luận, cho ý kiến về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng cơ bản hoặc nội dung chủ yếu của một số dự án luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp; (2) trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định các dự án luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp với nhiệm vụ chính là tư vấn giúp Chính phủ đảm bảo tính thống nhất, chính xác và đồng bộ trong việc cụ thể hóa tinh thần, nội dung các quy định của Hiến pháp trong các dự án luật, pháp lệnh. Đến cuối tháng 8/2014, Hội đồng này đã thực thi tốt trách nhiệm của mình trong quá trình tư vấn thẩm định, cho ý kiến đối với các dự án luật quan trọng như dự án Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi), Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi), Bộ luật Dân sự (sửa đổi), Luật ban hành VBQPPL (hợp nhất)...

Trong thời gian tới, để bảo đảm tiến độ và chất lượng trình các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác triển khai thi hành Hiến pháp, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương:

- Hoàn thành việc rà soát các luật, pháp lệnh và các VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, HĐND, UBND các cấp theo quy định của Hiến pháp để lập danh mục đề xuất bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các VBQPPL phù hợp với Hiến pháp.

- Tập trung các nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện các dự án luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp để trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua hoặc cho ý kiến trong năm 2014; các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, luật, pháp lệnh và văn bản pháp luật của trung ương.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chủ trì soạn thảo, thẩm định, thẩm tra dự án luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp, đồng thời phát huy vai trò của Hội đồng tư vấn thẩm định các dự án luật, pháp lệnh trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng luật, pháp lệnh và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các dự án luật, pháp lệnh theo tinh thần và nội dung của Hiến pháp.

b) Về việc triển khai thi hành Luật đất đai (sửa đổi):

Triển khai thực hiện Luật đất đai (sửa đổi), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22/01/2014 về việc triển khai thi hành Luật, trong đó đã xác định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện Luật.

Đối với việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đất đai

(sửa đổi), các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm ban hành 06 nghị định và 08 thông tư, thông tư liên tịch để triển khai thực hiện Luật. Tính đến ngày 15/8/2014, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã trình Chính phủ ban hành được 05/06 nghị định (còn 01 nghị định mới bổ sung đang được xây dựng) và 06/08 thông tư, thông tư liên tịch (02 thông tư chưa được ban hành) cần ban hành để triển khai thực hiện Luật.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ khẩn trương xây dựng văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đất đai để góp phần đưa đạo luật quan trọng này đi vào cuộc sống.

II. Kiến nghị về công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Quảng Ngãi, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Thuận, Thái Nguyên, Hà Nam, Bến Tre, Hòa Bình:

a) Cử tri tỉnh Quảng Ngãi, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Thuận, Thái Nguyên: Đề nghị Chính phủ tiếp tục chỉ đạo tăng cường cải cách trong việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật, cần chỉ đạo việc thống nhất đầu mối; liên kết giữa các cơ quan để ban hành văn bản liên tịch; cần khảo sát kỹ, tổ chức nghiên cứu nhiều đối tượng chịu sự tác động, đánh giá tác động, hiệu ứng xã hội của chính sách, chủ động ban hành chính sách kịp thời,... để hạn chế tối đa số lượng văn bản hướng dẫn thi hành và hạn chế việc sửa đổi, bổ sung văn bản, tạo điều kiện cho cơ quan thực thi áp dụng thống nhất, người dân dễ tiếp cận chính sách, đảm bảo chính sách được thực thi thống nhất, kịp thời và hiệu quả.

b) Cử tri tỉnh Hà Nam, Bến Tre: Đề nghị Chính phủ chuẩn bị tốt hơn các dự án luật, tránh tình trạng phải điều chỉnh nhiều lần; khắc phục tình trạng chậm ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn để đưa luật, pháp lệnh vào cuộc sống.

c) Cử tri tỉnh Hòa Bình: Hiện nay, rất nhiều văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật ban hành không đúng tiến độ, dẫn đến các chế độ, chính sách chậm đến với người dân. Đề nghị Quốc hội xem xét sớm sửa Luật ban hành VBQPPL, quy định rõ về thời gian ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Về việc bảo đảm tiến độ, chất lượng chuẩn bị các dự án luật, hạn chế tối đa số lượng văn bản hướng dẫn thi hành; nâng cao chất lượng, khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh; sớm sửa đổi Luật ban hành VBQPPL, trong đó quy định rõ về thời gian ban hành văn bản quy định chi tiết

Trong những năm qua, công tác xây dựng VBQPPL được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu và đã được các Bộ, cơ quan và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai quyết liệt, đạt được nhiều kết quả tích cực. Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014, các Bộ, cơ quan đã tập trung soạn thảo đúng tiến độ, trình Quốc hội, UBTVQH thông qua 10/11 luật¹; cho ý kiến 13/16 dự án luật². Các Bộ, cơ quan đã chủ động, tích cực trong việc soạn thảo, trình Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh, từng bước hạn chế việc điều chỉnh chương trình. Trong quá trình xây dựng các luật, pháp lệnh, các cơ quan chủ trì soạn thảo đã chú trọng đến việc đánh giá tác động của chính sách; thực hiện cơ chế huy động sự tham gia của các cơ quan, đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp và nhân dân, nhất là đối tượng chịu sự tác động của văn bản. Công tác xây dựng, ban hành văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh có chuyển biến tích cực. Công tác thẩm định VBQPPL của Bộ Tư pháp đã có nhiều đổi mới trong quy trình, cách thức thẩm định, đã tạo được chuyển biến tích cực về chất lượng thẩm định, góp phần nâng cao chất lượng ban hành VBQPPL, đồng thời hạn chế việc các luật, pháp lệnh giao Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành.

Tuy nhiên, đúng như ý kiến của các cử tri nêu, trong thời gian qua, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng pháp luật ở nước ta còn có một số bất cập, hạn chế, trong đó nổi lên như: (1) việc xây dựng các luật, pháp lệnh vẫn còn chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng dẫn đến phải điều chỉnh chương trình; số lượng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh còn nhiều; (2) việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh còn chậm, chưa bảo đảm yêu cầu triển khai thi hành luật, pháp lệnh; văn bản quy định chi tiết được ban hành không bảo đảm tính kịp thời có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh còn diễn ra phổ biến. (3) Còn tình trạng một số văn bản chưa bảo đảm chất lượng, có nội dung thiếu tính khả thi, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do:

Về khách quan:

- Hàng năm, số lượng luật, pháp lệnh mà Quốc hội giao Chính phủ chủ trì soạn thảo là tương đối lớn, khoảng 90% tổng số các dự án luật, pháp lệnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội. Nhiều Bộ, ngành

¹ Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi); Luật đầu tư công; Luật hải quan (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa; Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi); Luật xây dựng (sửa đổi); Luật xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật công chứng (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam.

² Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật Công an nhân dân (sửa đổi); Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh; Luật bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Luật nhà ở (sửa đổi); Luật kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật đầu tư (sửa đổi); Luật doanh nghiệp (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dạy nghề; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; Luật căn cước công dân; Luật hộ tịch

được giao chủ trì soạn thảo cùng lúc 2 - 3 dự án luật để trình Quốc hội trong một kỳ họp, tạo ra sức ép công việc rất lớn. Bên cạnh đó, một số Bộ, cơ quan ngang Bộ vừa phải chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, vừa phải soạn thảo một số lượng lớn văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh.

- Nội dung quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh nhiều, thường là các vấn đề mới, phức tạp, có trường hợp còn thiếu sự định hướng về chính sách, có nhiều ý kiến khác nhau, dẫn đến việc kéo dài thời gian soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết. Bên cạnh đó, một số luật, pháp lệnh không do Chính phủ trình nhưng có nội dung giao cho Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết nên trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết các cơ quan của Chính phủ còn lúng túng, bị động.

- Nhiều quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, không còn phù hợp như quy định về lập chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL; việc xác định thời điểm có hiệu lực của VBQPPL còn máy móc, chưa phù hợp với thực tiễn.

Về chủ quan:

- Lãnh đạo một số Bộ, ngành chưa thực sự quyết liệt trong việc chỉ đạo công tác xây dựng VBQPPL nói chung và văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh nói riêng. Công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành trong xây dựng, thẩm định VBQPPL cũng chưa chặt chẽ, hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng, thẩm định VBQPPL ở Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành còn thiếu về số lượng, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn còn nhiều hạn chế, trong khi số lượng văn bản ban hành nhiều dẫn đến quá tải. Quy trình xây dựng VBQPPL, nhất là khâu dự báo, đánh giá tác động kinh tế - xã hội và lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chưa được tuân thủ nghiêm.

Với trách nhiệm là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật nói chung, Bộ Tư pháp thấy rằng, để xảy ra tình trạng như cử tri phản ánh là có phần trách nhiệm của Bộ Tư pháp. Để khắc phục các bất cập, vướng mắc nêu trên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 67/2013/QH13 của Quốc hội về tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh và ban hành văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành và Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết này.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng, thẩm định VBQPPL. Bổ sung hợp lý số lượng cán bộ, công chức làm công tác xây dựng, thẩm định VBQPPL; tăng cường tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực phân tích, xây dựng chính sách pháp luật và kỹ năng soạn thảo, thẩm định văn bản pháp luật cho những người làm công tác xây dựng pháp luật, bao gồm cả cán bộ, công chức pháp chế các Bộ, Ngành.

- Có biện pháp thu hút sự tham gia của nhân dân, huy động trí tuệ của chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, sự phản biện từ các tổ chức xã hội, từ các phương tiện thông tin đại chúng... vào quá trình xây dựng, thẩm định; cải tiến, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phối hợp giữa Bộ Tư pháp với các Bộ, Ngành và giữa các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp trong việc xây dựng, thẩm định VBQPPL.

- Về lâu dài, để nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định VBQPPL một cách căn cơ hơn, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Luật ban hành VBQPPL (hợp nhất), với định hướng làm cho quy trình xây dựng pháp luật dân chủ, minh bạch, chuyên nghiệp hơn, trách nhiệm giải trình cao hơn; quy định rõ việc văn bản quy định chi tiết phải có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản được quy định chi tiết hoặc hiệu lực của điều, khoản, điểm được quy định chi tiết. Đồng thời, nghiên cứu làm rõ hơn thẩm quyền giải thích pháp luật của các chủ thể ban hành VBQPPL; bổ sung vai trò của Hội đồng thẩm phán TANDTC trong việc tổng kết xét xử giám đốc thẩm để áp dụng thống nhất pháp luật (án lệ), qua đó sẽ góp phần hạn chế ban hành thông tư, thông tư liên tịch quá nhiều như hiện nay. Dự án Luật này đã được Chính phủ thông qua, trình UBTVQH và dự kiến sẽ được trình Quốc hội xem xét cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2014).

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn: Nhiều VBQPPL của Chính phủ giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các quy định, hướng dẫn trong đó có chứa các quy phạm pháp luật, nhưng theo quy định của pháp luật về ban hành VBQPPL thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có thẩm quyền ban hành VBQPPL. Đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Luật ban hành VBQPPL năm 2008 và Luật ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004 không quy định thẩm quyền ban hành VBQPPL của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhưng có quy định giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành quyết định, chỉ thị có chứa quy phạm pháp luật. Vì thế, VBQPPL của Chính phủ cần giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành thì phù hợp hơn. Với tư cách cơ quan giúp Chính phủ thẩm định các VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp xin nhận thiếu sót này và sẽ rút kinh nghiệm, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Dương: Chính phủ ban hành nhiều luật, nghị định, thông tư, các chủ trương, chính sách để điều chỉnh các hành vi, quan hệ không phù hợp với đời sống thực tế, đảm bảo lợi ích của người dân và chính quyền. Tuy nhiên, việc thực hiện các luật, nghị định tại các cấp ở địa phương không được tốt, đôi khi không thực hiện theo đúng luật gây bức xúc cho cử tri. Cử tri đề nghị Chính phủ cần kiểm tra, chấn chỉnh lại công tác thực thi pháp luật, chính sách phải thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong thời gian qua, cùng với việc xây dựng, ban hành VBQPPL nhằm mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật thì Chính phủ cũng đã chú trọng hơn đến công tác tổ chức thi hành pháp luật. Tuy nhiên, đúng như cử tri nêu, việc tổ chức thi hành pháp luật hiện vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập nhất là ở địa phương, tình trạng văn bản pháp luật bị vi phạm nhiều nhưng xử lý chưa kịp thời, chưa nghiêm làm giảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước và giảm niềm tin của Nhân dân vào sự tôn nghiêm, công bằng của pháp luật.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, Chính phủ đã và đang chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiều giải pháp như: tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là những văn bản pháp luật mới được ban hành có liên quan mật thiết đến quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp; chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan nhà nước; kịp thời hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật để bảo đảm việc triển khai áp dụng pháp luật thống nhất, đồng bộ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực có nhiều bức xúc, được dư luận quan tâm; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, đặc biệt là từ phía các cơ quan nhà nước, cán bộ thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, để tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật, ngày 15/5/2014 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg về việc thành lập Cục quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trực thuộc Bộ Tư pháp. Việc thành lập, đưa Cục quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật đi vào hoạt động được coi là bước đột phá để góp phần nâng cao chất lượng công tác thi hành pháp luật, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong việc từng bước chuyển hướng chiến lược từ xây dựng pháp luật sang hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật, nhất là ở các địa phương như cử tri đã nêu.

Về lâu dài, để bảo đảm sự gắn kết giữa công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật, góp phần đưa văn bản quy phạm pháp luật nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả trong thực tế đời sống xã hội, khắc phục tình trạng thực thi pháp luật không thống nhất từ trung ương đến địa phương, trong dự thảo Luật ban hành VBQPPL (hợp nhất) đang được Chính phủ trình UBTVQH đã bổ sung một chương để quy định về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, dự thảo Luật quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan trong việc

tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

4. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn: Tại các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp đều có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về công tác xây dựng pháp luật (bao gồm công tác xây dựng VBQPPL) như tại Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được thay thế bằng Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014). Tuy nhiên, trong các luật về ban hành VBQPPL đều chưa có quy định về các nhiệm vụ trên. Đề nghị bổ sung các quy định cụ thể về nội dung quản lý nhà nước về công tác xây dựng VBQPPL trong các đạo luật về ban hành VBQPPL.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Đúng như cử tri nêu, trên cơ sở Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2013/NĐ-CP quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp và Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong lĩnh vực xây dựng pháp luật đã được quy định khá cụ thể.

Đối với Luật ban hành VBQPPL năm 2008 và Luật ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004, đây là các luật mang tính chất chuyên ngành, có phạm vi điều chỉnh là hoạt động xây dựng và ban hành VBQPPL, trong đó quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng VBQPPL, bao gồm cả trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc giúp Chính phủ, trách nhiệm của cơ quan tư pháp địa phương trong việc giúp HĐND, UBND cùng cấp trong công tác xây dựng pháp luật... Do đó, để tránh trùng lặp, chồng chéo, trong các Luật ban hành VBQPPL từ trước đến nay đều không đặt ra vấn đề có quy định riêng về quản lý nhà nước trong xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, tiếp thu kiến nghị của cử tri, trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Luật ban hành VBQPPL (hợp nhất), Bộ Tư pháp sẽ rà soát kỹ các quy định có liên quan đến quản lý nhà nước về xây dựng pháp luật để đề xuất bổ sung vào dự án Luật một cách phù hợp.

5. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn: Cử tri phản ánh, pháp luật về ban hành VBQPPL đã quy định yêu cầu xác định về nguồn lực để đảm bảo thi hành các văn bản. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều trường hợp các chế độ, chính sách

do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành nhưng nguồn lực đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách đó lại yêu cầu địa phương thực hiện, trong khi đó, ngân sách phân bổ cho địa phương được ổn định theo thời kỳ nên khó khăn cho việc bố trí thực hiện. Đề nghị khi ban hành chính sách cần phải xác định rõ ràng nguồn lực tài chính để đảm bảo tính khả thi của chính sách.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Do ngân sách nhà nước là thống nhất, bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, các chế độ chính sách do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành có giá trị trong phạm vi toàn quốc. Đối với các nhiệm vụ chi cụ thể, việc phân chia nguồn thu, nhiệm vụ chi do Quốc hội quyết định, nhiệm vụ chi của cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo. Tuy nhiên, Luật ngân sách nhà nước đã quy định thời kỳ ổn định ngân sách từ 3 - 5 năm, nên với những nhiệm vụ chi mới phát sinh trong thời kỳ ổn định ngân sách chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu ổn định ngân sách dẫn tới các địa phương gặp khó khăn trong việc bảo đảm nhiệm vụ chi mới như cư tri phản ánh. Để khắc phục bất cập nêu trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, tại điểm b khoản 2 Điều 29 đã quy định về việc bổ sung ngân sách cấp trên cho cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách. Tuy nhiên, do ngân sách trung ương hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, nên việc hỗ trợ địa phương thực hiện các chế độ, chính sách mới nhiều khi còn chưa kịp thời hoặc chưa thực hiện được.

Mặt khác Luật ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có nhiều quy định về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc xây dựng và thi hành VBQPPL ở các giai đoạn như: đề nghị, kiến nghị xây dựng luật, pháp lệnh (khoản 1 Điều 23); thẩm tra đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh (khoản 1 Điều 25); thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Chính phủ trình (điểm d, khoản 3 Điều 36)... Tuy nhiên, trên thực tế, yêu cầu xác định nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc xây dựng và thi hành VBQPPL chưa được các cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, thẩm tra quan tâm, chú trọng đúng mức.

Trong thời gian tới, để khắc phục tình trạng nêu trên, Bộ Tư pháp đang chủ trì xây dựng dự án Luật ban hành VBQPPL (hợp nhất), trong đó dự kiến quy định theo hướng tăng cường trách nhiệm của các chủ thể đề xuất xây dựng, ban hành VBQPPL trong việc dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành của VBQPPL sau khi được ban hành và trách nhiệm của Bộ, ngành liên quan trong việc góp ý kiến về nguồn tài chính đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh do Chính phủ trình; đồng thời, dự án Luật cũng sẽ quy định rõ trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức thi hành VBQPPL.

6. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Định: Tại kỳ họp thứ Sáu vừa qua, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 67/2013/QH13 về việc tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Cử tri kiến nghị trong thời gian tới, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết nêu trên.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 67/2013/QH13 của Quốc hội, Bộ Tư pháp tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 13/01/2014 về Kế hoạch triển khai Nghị quyết; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị triển khai công tác pháp chế năm 2014 để phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 67/2013/QH13 và Quyết định số 73/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức Đoàn công tác liên ngành kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 73/QĐ-TTg tại một số Bộ, ngành; định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 01 năm báo cáo Chính phủ về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tư pháp... Các Bộ, ngành cũng đã ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội để tổ chức triển khai thực hiện; tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 67/2013/QH13...

Qua theo theo dõi, Bộ Tư pháp nhận thấy, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 67/2013/QH13 đã có kết quả thiết thực, việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã có nhiều chuyển biến tốt.

Tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIII, Quốc hội đã chất vấn Bộ trưởng Bộ Tư pháp về một số nhiệm vụ công tác của Bộ, ngành, trong đó có nội dung về việc triển khai Nghị quyết số 67/2013/QH13 của Quốc hội. Ngay sau phiên chất vấn, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 75/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn, trong đó có nội dung *“tăng cường vai trò, trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc đôn đốc việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, giảm số văn bản nợ đọng”*. Bộ Tư pháp cũng đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 24/7/2014 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 75/2014/QH13 và đang tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành tích cực triển khai thực hiện, dự kiến sẽ có Báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 8 tới đây.

7. Kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hải Phòng, An Giang, Bến Tre, Bình Định, Bình Thuận, Điện Biên, Hải Dương, Long An, Phú Thọ, Quảng Nam, Tây Ninh, Tiền Giang, Ninh Thuận:

a) Cử tri thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, An Giang, Bến Tre, Bình Định, Điện Biên, Hải Dương, Long An, Phú Thọ, Quảng Nam, Tây

Ninh, Tiền Giang, Ninh Thuận kiến nghị về sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự, cụ thể:

- Hiện nay, tội phạm lợi dụng pháp luật để gây án ngày càng nhiều, nhất là tội phạm trộm cắp. Đề nghị hạ mức vi phạm từ 2 triệu xuống 1 triệu (hoặc 500.000 đồng) là bị xử lý hình sự đối với đối tượng vi phạm;

- Xem xét giảm độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (từ đủ 18 tuổi xuống còn đủ 16 tuổi) của người chưa thành niên để xử lý nghiêm các đối tượng phạm tội vị thành niên với mức hình phạt như quy định đối với người đã thành niên nhằm hạn chế tình trạng “trẻ hóa” các đối tượng phạm tội như hiện nay, đảm bảo trật tự an ninh xã hội;

- Xem xét sửa đổi theo hướng giảm khoảng cách trong khung hình phạt, vì Bộ luật Hình sự quy định khung hình phạt rộng, dễ dẫn đến thiếu khách quan trong công tác xét xử;

- Có quy định chi tiết và cụ thể về số lượng hàng cấm làm định lượng cấu thành tội phạm, định khung tăng nặng đối với tội phạm liên quan đến hàng cấm;

- Đề nghị rà soát tổng thể lại các quy định của Bộ luật Hình sự, trong đó cần giải thích cụ thể, rõ ràng một số thuật ngữ pháp lý các quy định trong cấu thành của một số tội phạm, cụ thể hóa về các định lượng, như: “gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng”, “hàng phạm pháp có giá trị lớn, rất lớn, đặc biệt lớn”, “thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn”, “số lượng lớn, rất lớn, đặc biệt lớn”, “gây thiệt hại rất lớn”.... được quy định tại các Điều: 86, 87, 120, 123, 127, 131, 151, 154, 155, 173... để các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng thống nhất;

- Xem xét, sửa đổi một số quy định đối với người chưa thành niên phạm tội (Chương X, Bộ luật Hình sự) sao cho có tính phòng ngừa hiệu quả hơn; như tăng khung hình phạt đối với tội phạm vị thành niên phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đã mãn, còn độ hung hãn lên 30 năm tù giam;

- Tăng mức hình phạt đối với các nhóm tội liên quan tới chức vụ, nhóm tội về lừa đảo, trộm cắp tài sản, phá hoại môi trường, tài nguyên rừng và các hành vi vi phạm pháp luật;

- Tăng mức hình phạt đối với tội buôn bán phụ nữ, trẻ em;

- Tăng mức hình phạt đối với hành vi dùng axit để giải quyết mâu thuẫn;

- Đối với tội xâm phạm tài sản của nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của nhà nước để xác định đúng tội danh cần có hướng dẫn như thế nào là tham ô, như thế nào là lạm dụng, lừa đảo đối với đơn vị kinh tế là cổ phần;

- Đối với những tội phạm xâm phạm sở hữu có định lượng bằng tiền để xác định khung hình phạt do quy định này đã lâu, tiền bị trượt giá qua từng năm

nhưng sau nhiều năm vẫn áp dụng quy định này để xử lý là không còn phù hợp. Đề nghị xem xét, sửa đổi. Ví dụ quy định tại khoản 4 các tội trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản khi chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên có khung hình phạt từ 12 năm tù đến 20 năm tù hoặc chung thân, trong khi đó nếu 500 triệu ở thời điểm hiện nay là không lớn so với những năm trước đây;

- Điều 187, 189 tội phạm về môi trường chỉ quy định đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì cấu thành tội phạm mà không quy định đối với người đã bị kết án về một trong các tội này là chưa phù hợp;...

- Xử lý các tội phạm về tham nhũng căn cứ theo giá trị tài sản tham nhũng. Cụ thể: người tham nhũng từ 1 tỷ đồng trở lên sẽ bị xử phạt tù hình, thu hồi tài sản do tham nhũng mà có; đối với người tham nhũng dưới 1 tỷ đồng thì tùy mức độ mà áp dụng hình phạt tù tương xứng...

b) Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Thuận: Tình trạng vi phạm pháp luật, côn đồ chống người thi hành công vụ, đặc biệt là ở đối tượng vị thành niên có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và mức độ, tính chất vi phạm, nhưng khung hình phạt còn thấp, chế tài chưa đủ sức răn đe. Đề nghị có những biện pháp chỉ đạo xử lý kiên quyết, có khung hình phạt cao hơn.

c) Kiến nghị của cử tri tỉnh Long An: Đề nghị sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng tăng cường công tác giáo dục, xử lý nghiêm để giảm bớt tội đa trẻ em dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật.

d) Kiến nghị của cử tri tỉnh Phú Thọ: Đề nghị sớm nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và Bộ luật hình sự, Bộ luật dân sự. Sớm có văn bản hướng dẫn trong từng lĩnh vực cụ thể, tránh sự nhận thức khác nhau giữa cơ quan thực hiện và cơ quan kiểm tra, giám sát.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XIII, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành soạn thảo dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) và Bộ luật Dân sự (sửa đổi).

a) Về việc sửa đổi Bộ luật Hình sự:

Thời gian qua, để chuẩn bị cho việc xây dựng dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Bộ Tư pháp đã thực hiện việc khảo sát thực tiễn, tổ chức các hội thảo khoa học và đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo về thực tiễn thi hành Bộ luật. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã tổng hợp các vấn đề cần được nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Bộ luật này. Bộ Tư pháp nhận thấy, các kiến nghị của cử tri liên quan đến việc sửa đổi Bộ luật hình sự như đã nêu trên đều là những vấn đề được nhiều Bộ, ngành và địa phương quan tâm, trong đó có thể

khái quát thành các vấn đề như: tuổi chịu trách nhiệm hình sự; chính sách hình sự đối với người chưa thành niên; hệ thống hình phạt; vấn đề hình sự hóa, phi hình sự hóa; vấn đề định tính, định lượng trong các quy định của Bộ luật; chính sách hình sự đối với một số tội phạm cụ thể như tội phạm về tham nhũng, môi trường, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xâm phạm sở hữu, tội phạm kinh tế...

Trên cơ sở kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự, Bộ Tư pháp đã báo cáo Chính phủ cho ý kiến về những định hướng lớn xây dựng dự án Bộ luật này tại phiên họp Chính phủ tháng 3/2014 và hiện đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Bộ luật. Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tiếp thu một cách nghiêm túc các đề xuất, kiến nghị của cử tri và mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến góp ý của cử tri đối với dự thảo Bộ luật quan trọng này.

b) Về việc sửa đổi Bộ luật Dân sự:

Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ giao, Bộ Tư pháp đã tiến hành các hoạt động xây dựng dự án Bộ luật như: tổ chức tổng kết thi hành Bộ luật dân sự năm 2005; báo cáo Chính phủ về mục tiêu, quan điểm và một số định hướng lớn cơ bản sửa đổi Bộ luật dân sự; xây dựng dự thảo Bộ luật trình Chính phủ cho ý kiến tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2014. Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Chính phủ, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, hoàn thiện dự án Bộ luật và Chính phủ đã trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi trình Quốc hội. Theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, dự kiến dự án Bộ luật Dân sự (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến qua 03 kỳ họp và sẽ được thông qua tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII. Các nghị định quy định chi tiết thi hành Bộ luật Dân sự (sửa đổi) cũng sẽ được triển khai soạn thảo sớm để bảo đảm có hiệu lực cùng với thời điểm có hiệu lực của Bộ luật này.

8. Kiến nghị của cử tri tỉnh Kiên Giang: Cử tri huyện Tân Hiệp cho rằng vấn đề mang thai hộ được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi) vẫn bản hướng dẫn, cần xem xét thêm 02 tình huống: (1) Người mang thai hộ không đồng ý trao trả đứa bé sau khi sinh và sẵn sàng bồi thường số tiền đã nhận khi ký hợp đồng mang thai hộ; phía gia đình nhờ mang thai hộ không đồng ý. Vậy hướng giải quyết sẽ như thế nào? (2) Việc mang thai hộ trở thành một công việc nhằm mục đích sinh lợi hay một dịch vụ thiết yếu của thị trường sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của người phụ nữ hoặc nhiều hệ lụy khác. Để tạo hành lang pháp lý bảo vệ sức khỏe và hạnh phúc gia đình của người dân, đề nghị cần nghiên cứu, cân nhắc kỹ.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Đối với tình huống thứ nhất

Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi) được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7 đã có quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ của bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ, trong đó quy định rõ: bên mang thai hộ “*phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ*” (khoản 1 Điều 97). Để giải quyết trường hợp bên mang thai hộ không thực hiện nghĩa vụ giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ, khoản 5 Điều 98 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp bên mang thai hộ từ chối giao con thì bên nhờ mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên mang thai hộ giao con*”.

Đồng thời, để tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý hành vi nói trên cũng như các hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mang thai hộ, Điều 100 Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi) đã quy định: “*Các bên trong quan hệ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vi phạm điều kiện, quyền, nghĩa vụ được quy định tại Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo trách nhiệm dân sự, hành chính, hình sự*”.

Như vậy, đối với tình huống mà cử tri đã nêu, trên cơ sở yêu cầu của bên nhờ mang thai hộ, Tòa án ra quyết định buộc bên mang thai hộ phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ. Ngoài ra, căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự, các luật khác có liên quan, bên mang thai hộ có thể phải bồi thường thiệt hại, bị xử phạt hành chính, chịu trách nhiệm hình sự nếu không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

b) Đối với tình huống thứ hai

Để bảo vệ quyền của các bên trong quan hệ mang thai hộ và lợi ích của đứa trẻ, tránh việc mang thai hộ vì mục đích thương mại, Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi) đưa ra các quy định chặt chẽ về điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (Điều 95); thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (Điều 96); quyền, nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ (Điều 97, 98) và xử lý vi phạm (Điều 100).

Về điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, Luật chỉ cho phép thực hiện mang thai hộ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; vợ chồng đang không có con chung; đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

Bên cạnh đó, người được nhờ mang thai hộ cũng phải có đủ các điều kiện sau đây: là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ; đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần; ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ;

trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng; đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

Để cụ thể hóa và bảo đảm tính khả thi của các quy định về điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, Luật giao cho Chính phủ quy định chi tiết các quy định này. Theo phân công của Chính phủ, Bộ Tư pháp đang chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật hôn nhân và gia đình trong đó có quy định về điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Việc cụ thể hóa các quy định trên sẽ góp phần bảo đảm thi hành các quy định về mang thai hộ và giảm thiểu nguy cơ quan hệ này bị lợi dụng, biến tướng trở thành một dịch vụ mang tính thương mại.

9. Kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Ngãi: Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước có hiệu lực ngày 01/01/2010 đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể hiện của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ. Tuy nhiên đã bộc lộ những tồn tại, vướng mắc cần phải xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, như: Phạm vi điều chỉnh chưa bao quát với các trường hợp thực tiễn xảy ra; căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường chưa rõ ràng; thủ tục giải quyết bồi thường chưa thông suốt,... Đề nghị xem xét, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật này để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua thực tiễn thi hành Luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước từ ngày 01/01/2010 đến nay, nhất là qua kết quả sơ kết 3 năm thi hành Luật, Bộ Tư pháp nhận thấy một số quy định của Luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, chưa phù hợp với thực tiễn, trong đó có những vấn đề như cư tri đã phản ánh.

Tuy nhiên, để đánh giá một cách toàn diện về những hạn chế, bất cập của Luật, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức tổng kết 5 năm thi hành Luật, trên cơ sở đó báo cáo Chính phủ, UBTVQH xem xét đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội để sửa đổi, bổ sung.

10. Kiến nghị của cử tri tỉnh Nghệ An: Đề nghị Chính phủ ban hành quy định hướng dẫn việc quản lý và sử dụng cộng tác viên kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL để hướng dẫn cụ thể, thống nhất việc xây dựng và sử dụng Cộng tác viên trên cả nước.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Hiện nay, việc quản lý và sử dụng cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL được quy định tại các VBQPPL như: Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý VBQPPL

(Điều 35, 36, 40), Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL (Điều 28, 29, 30, 34), Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý VBQPPL (Điều 14).

Các VBQPPL nêu trên đã quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn đối với công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; cơ chế hoạt động của công tác viên; cơ quan có trách nhiệm xây dựng và quản lý đội ngũ công tác viên... Căn cứ vào quy định tại các VBQPPL nêu trên, cơ quan quản lý, sử dụng công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và các công tác viên đã có đủ cơ sở pháp lý để thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL. Bên cạnh đó, để quản lý đội ngũ công tác viên và triển khai công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL một cách thuận lợi, hiệu quả tại cơ quan mình, các Bộ, ngành, địa phương có thể ban hành những văn bản nội bộ quy định về cơ chế hoạt động của đội ngũ công tác viên phù hợp với đặc điểm, yêu cầu tại cơ quan, đơn vị mình để đảm bảo thực hiện có chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL. Trên thực tế, nhiều địa phương đã ban hành quy chế tổ chức và quản lý công tác viên kiểm tra văn bản tại cơ quan mình và đang thực hiện rất tốt các Quy chế này, như: Hưng Yên, Hải Phòng, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Vĩnh Long, Sóc Trăng...

Tiếp thu kiến nghị của cử tri, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi tình hình thực tế của việc quản lý và sử dụng đội ngũ công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL trên cả nước; tổng hợp phản ánh, kiến nghị của các địa phương, trường hợp xét thấy cần thiết, Bộ sẽ đề xuất Chính phủ ban hành quy định riêng để hướng dẫn việc quản lý và sử dụng công tác viên kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL.

III. Kiến nghị về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố Hà Nội, Ninh Bình, Lào Cai, Hưng Yên, Tây Ninh: Trong những năm gần đây, hoạt động lập pháp được nhà nước đặc biệt quan tâm, mỗi năm có gần 20 dự án luật các loại được thông qua, tuy nhiên việc tuyên truyền, PBGDPL còn rất hạn chế. Cử tri kiến nghị nhà nước tăng cường công tác tuyên truyền, PBGDPL đến cộng đồng dân cư và từng người dân, để người dân được biết, hiểu và thực thi pháp luật đầy đủ.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, thời gian qua số lượng các luật được Quốc hội thông qua là tương đối lớn. Để các luật sau khi được ban hành thực sự đi vào cuộc sống, công tác PBGDPL là khâu đầu tiên và có vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, như cử tri đã phản ánh, thời gian qua công tác này chưa được quan tâm đúng mức. Vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác PBGDPL chưa đầy đủ, chưa tương xứng,

một số nơi còn xem nhẹ công tác này. Chất lượng, hiệu quả của công tác này chưa đồng đều, có những nơi, công tác này chưa thật sự đi về cơ sở, nội dung PBGDPL chưa sâu, còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Hình thức PBGDPL tuy có nhiều đổi mới song vẫn chưa theo kịp tình hình thực tiễn, nhất là cấp cơ sở. Kinh phí phục vụ công tác này hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở những địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

Để giải quyết, khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, góp phần tăng cường công tác PBGDPL, nhất là các luật liên quan mật thiết đến đời sống người dân, doanh nghiệp, các luật mới được ban hành để người dân được biết, hiểu và thực thi pháp luật đầy đủ, Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện một số giải pháp như: phát huy hơn nữa vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao năng lực, nghiệp vụ cho đội ngũ, cán bộ, công chức tham gia PBGDPL; tích cực nghiên cứu, xem xét, đổi mới, đa dạng hóa các hình thức PBGDPL có hiệu quả để phù hợp với thực tế; tiếp tục dành nguồn lực tập trung, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm để triển khai thực hiện công tác PBGDPL một cách toàn diện, đồng đều, phù hợp với từng địa bàn và đối tượng cụ thể, đặc biệt là tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án PBGDPL cho các đối tượng, địa bàn cụ thể, nhất là các đối tượng đặc thù theo quy định của Luật PBGDPL; quan tâm, đầu tư nguồn lực hợp lý phục vụ việc triển khai thực hiện công tác PBGDPL, trong đó có việc bố trí kinh phí phục vụ công tác này; đồng thời, đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác PBGDPL, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tuyên truyền, PBGDPL...

IV. Kiến nghị về công tác trợ giúp pháp lý

Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn: Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ xem xét sửa đổi quy định về các tổ chức thực hiện chức năng trợ giúp pháp lý theo hướng là cơ quan quản lý nhà nước để đảm bảo sự công bằng giữa các tổ chức có cùng chức năng, nhiệm vụ; sớm ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục của Trợ giúp viên pháp lý.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Về việc nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ xem xét sửa đổi quy định về các tổ chức thực hiện chức năng trợ giúp pháp lý theo hướng là cơ quan quản lý nhà nước để đảm bảo sự công bằng giữa các tổ chức có cùng chức năng, nhiệm vụ.

Theo quy định tại Điều 13 Luật trợ giúp pháp lý thì các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý (là tổ chức hành nghề luật sư và tổ chức tư vấn pháp luật). Về bản chất các tổ chức này chỉ thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ pháp lý cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý, không thực hiện chức năng quản lý

nhà nước. Do đó, Bộ Tư pháp nhận thấy việc sửa đổi các quy định về tổ chức thực hiện chức năng trợ giúp pháp lý theo hướng là cơ quan quản lý nhà nước là không thực sự cần thiết.

b) Về việc sớm ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục của Trợ giúp viên pháp lý.

Ngày 08/5/2014, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 58/2014/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục Trợ giúp viên pháp lý, Thông tư liên tịch có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đang chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mẫu trang phục, việc quản lý, sử dụng trang phục của Trợ giúp viên pháp lý trên cơ sở ý kiến tư vấn thẩm định để ban hành trong thời gian tới.

V. Kiến nghị về công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh: Đề nghị quan tâm, khắc phục một số bất hợp lý giữa đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh trong Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch để bảo đảm quyền lợi cho trẻ em. Cụ thể như sau:

- Theo Điều 13 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP thì việc đăng ký khai sinh cho trẻ em được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người mẹ; nếu không xác định được nơi cư trú của người mẹ thì đăng ký khai sinh cho trẻ em tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha.

- Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP thì việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ.

Như vậy, theo quy định nêu trên thì đăng ký kết hôn có quyền được lựa chọn nơi cư trú của người nam hoặc người nữ, nhưng đăng ký khai sinh cho trẻ em không có quyền lựa chọn nơi cư trú của vợ hoặc chồng. Điều bất hợp lý này phần nào đã ảnh hưởng đến quyền lợi của trẻ em.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Việc quy định thẩm quyền đăng ký khai sinh hiện nay được dựa trên cơ sở thực tế là đa số trẻ sơ sinh gắn liền với người mẹ và được sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh cho những trường hợp trẻ em là con ngoài giá thú. Bên cạnh quy định xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh theo hướng ưu tiên nơi cư trú của người mẹ, nhằm bảo đảm quyền khai sinh cho trẻ em trong mọi trường hợp, Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và Thông tư số 01/2008/TT-BTP đã quy định thẩm quyền đăng ký khai sinh theo nơi cư trú của người cha hoặc theo nơi sinh sống trên thực tế của trẻ em.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân theo kiến nghị của cử tri, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu và đưa vào dự thảo Luật Hộ tịch quy định về thẩm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ theo hướng có thể lựa chọn theo nơi cư trú của người mẹ hoặc người cha, dự thảo Luật đã được Quốc hội khóa XIII cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 và dự kiến sẽ được Quốc hội thông qua vào kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2014).

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh: Đề nghị Chính phủ xem xét lại một số quy định của pháp luật liên quan đến nhập quốc tịch Việt Nam để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định của Luật Hộ tịch. Cụ thể như sau:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 thì người nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong các trường hợp sau không cần phải có điều kiện “đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam”:

1. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;
2. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
3. Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong khi đó khoản 2 Điều 5 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Quốc tịch Việt Nam lại quy định:

“2. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam phải là người đang thường trú tại Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp thẻ cư trú. Thời gian thường trú tại Việt Nam được tính từ ngày người đó được cấp thẻ cư trú”.

Từ các quy định nêu trên đã nảy sinh vướng mắc là theo khoản 2 Điều 19 Luật Quốc tịch thì các đối tượng quy định tại khoản này không cần điều kiện về cư trú nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP lại buộc phải có điều kiện về cư trú. Điều này cho thấy giữa Luật và Nghị định của Chính phủ không đồng nhất về điều kiện nhập quốc tịch.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Khoản 2, Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam quy định “*Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải có các điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều này, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây: a) Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam; b) Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; c) Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Và khoản 1 Điều này quy định “*Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam*”

Khoản 2, Điều 5 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật quốc tịch Việt Nam quy định “*Người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam phải là người đang thường trú tại Việt Nam và được cơ quan công an có thẩm quyền của Việt Nam cấp thẻ thường trú*”

Bộ Tư pháp nhận thấy, để được xem xét nhập quốc tịch Việt Nam, người xin nhập quốc tịch phải là người đang thường trú ở Việt Nam. Quy định tại khoản 2, Điều 19, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 và khoản 2, Điều 5, Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 hoàn toàn phù hợp, thống nhất mà không có sự mâu thuẫn giữa các quy định này.

3. Kiến nghị của cử tri tỉnh Tuyên Quang: Giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm quyền chứng thực các văn bằng chứng chỉ có song ngữ. Cử tri phản ánh, hiện nay thẩm quyền chứng thực đối với văn bằng có song ngữ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, không thuận lợi cho nhân dân.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký thì Phòng Tư pháp cấp huyện có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản song ngữ. Do Nghị định số 04/2012/NĐ-CP không quy định rõ như thế nào được hiểu là “giấy tờ, văn bản song ngữ” nên đã dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất tại các địa phương.

Để khắc phục tình trạng trên, ngày 13/6/2014, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 3086/HTQTCT-CT về việc hướng dẫn thẩm quyền chứng thực giấy tờ, văn bản song ngữ, trong đó có hướng dẫn cách hiểu “Giấy tờ, văn bản song ngữ”, theo đó giấy tờ văn bản song ngữ phải là giấy tờ, văn bản được thể hiện đầy đủ bằng hai ngôn ngữ, trong đó có một ngôn ngữ là tiếng Việt, do cơ quan tổ chức nước ngoài cấp hoặc liên kết với cơ quan, tổ chức Việt Nam cấp”. Đối với văn bằng, chứng chỉ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp có xen thêm tiếng nước ngoài (như Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng do các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam cấp) thì không được coi là “giấy tờ, văn bản song ngữ”, UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực. Từ khi có hướng dẫn đến nay, các địa phương thực hiện về cơ bản không còn vướng mắc.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, đưa nội dung hướng dẫn nêu trên vào dự thảo Nghị định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; dự kiến dự thảo Nghị định sẽ trình Chính phủ trong tháng 9/2014 để xem xét, ban hành thay thế Nghị định số 79/2007/NĐ-CP và Nghị định số 04/2012/NĐ-CP.

Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, theo quy định tại Điều 77, Luật công chứng năm 2014 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) cũng đã quy định: “công chứng viên được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản”. Do đó, người dân có quyền lựa chọn yêu cầu chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoặc tại tổ chức hành nghề công chứng.

VI. Kiến nghị về công tác hỗ trợ tư pháp

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Sơn La: Đề nghị Chính phủ sửa đổi Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg ngày 07/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo hướng tăng mức bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác pháp y.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Để đảm bảo chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp phù hợp với thực tế như kiến nghị của cử tri và thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật giám định tư pháp, Bộ Tư pháp đã xây dựng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 thay thế Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg quy định về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp. Theo đó, mức bồi dưỡng giám định tư pháp đã được nâng lên từ 1,5 - 2,5 lần. Để triển khai có hiệu quả Quyết định 01/2014/QĐ-TTg, Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức 02 hội nghị tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của đại diện các cơ quan tiến hành tố tụng, các tổ chức giám định tư pháp, Sở Tư pháp các địa phương và một số Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Dương: Cử tri phản ánh hiện nay các thủ tục công chứng còn rườm rà, phức tạp, lệ phí công chứng khá cao nhưng chất lượng và trách nhiệm của công chứng viên chưa được đề cao, dẫn đến sai sót gây thiệt hại về quyền và lợi ích của người dân khi tham gia công chứng. Tuy nhiên, việc xác định trách nhiệm bồi thường còn nhiều bất cập. Cử tri đề nghị nhà nước phải có chế tài để hạn chế thiếu sót của hoạt động công chứng.

3. Kiến nghị của cử tri tỉnh Long An: Đề nghị Nhà nước quản lý chặt chẽ hoạt động công chứng đặc biệt là công chứng tư, hoạt động này hiện đang tiềm ẩn nhiều rủi ro, có thể gây thiệt hại cho Nhà nước và người dân nhất là trên lĩnh vực ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng với người được ủy quyền, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ...

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng luôn được Chính phủ, Bộ Tư pháp quan tâm, chú trọng. Sau khi Luật công chứng năm 2006 được Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Nghị định và 03 Quyết định; ban hành và phối hợp với Bộ Tài chính ban hành 04 Thông tư và 01 Quyết định. Bộ Tư pháp

cũng đã kịp thời ban hành nhiều công văn chỉ đạo và hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật công chứng; tổ chức triển khai, phổ biến, tuyên truyền, quán triệt Luật và các văn bản liên quan trên phạm vi cả nước với nhiều hình thức khác nhau, đã góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức của xã hội về hoạt động công chứng.

Cùng với việc tổ chức triển khai thi hành Luật, công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và những sai phạm trong hoạt động công chứng cũng được Bộ Tư pháp quan tâm. Hàng năm, Bộ Tư pháp xây dựng kế hoạch tổ chức các đợt thanh tra về tổ chức và hoạt động công chứng ở các tỉnh, thành phố, đồng thời, chỉ đạo các Sở Tư pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động công chứng để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng. Qua công tác thanh tra, đã phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm trong hoạt động công chứng, xử lý gần 300 trường hợp vi phạm. Mặt khác, việc tăng cường bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của công chứng viên cũng được Bộ Tư pháp chú trọng. Ngày 30/10/2012, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 11/2012/TT-BTP về Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng. Bộ quy tắc này được ban hành là những chuẩn mực đạo đức, hành vi ứng xử của công chứng viên trong hành nghề công chứng. Qua theo dõi cho thấy, Bộ quy tắc đã phát huy tác dụng trong thực tiễn hoạt động công chứng.

Nhằm khắc phục một số điểm hạn chế, bất cập của Luật công chứng năm 2006, đảm bảo tốt hơn quyền và lợi ích của các cá nhân, tổ chức tham gia hợp đồng, giao dịch, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, chặt chẽ hơn cho hoạt động công chứng, Luật công chứng (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2014 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Cùng với những quy định nhằm nâng cao chất lượng và sự phát triển bền vững của đội ngũ công chứng viên (chương II), Luật có nhiều quy định mới chặt chẽ, minh bạch điều chỉnh tổ chức và hoạt động công chứng, trong đó có tổ chức và hoạt động của các Văn phòng công chứng, cụ thể là quy định từ Điều 22 đến Điều 33 về Văn phòng công chứng; Điều 37 về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên, Điều 38 về bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng; Điều 62 về cơ sở dữ liệu công chứng; Điều 71, 72 và 74 về xử lý vi phạm đối với công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng và cá nhân, tổ chức hành nghề công chứng bất hợp pháp. Bên cạnh đó, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước về công chứng, các hành vi bị nghiêm cấm đối với công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng, quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng... cũng được sửa đổi, bổ sung toàn diện trong Luật này. Đặc biệt, một trong những điểm mới đáng chú ý của Luật công chứng (sửa đổi) là quy định trong Luật về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên với chức năng quan trọng là giám sát công chứng viên trong việc tuân thủ quy định của pháp luật về công chứng, quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.

Để Luật công chứng (sửa đổi) triển khai kịp thời, hiệu quả, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn một số điều của Luật cũng đang được khẩn trương xây dựng và ban hành trong năm 2014, tạo cơ sở pháp lý quan trọng, vững chắc cho tổ chức và hoạt động công chứng phát triển theo định hướng xã hội hóa; bên cạnh đó với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động công chứng, Bộ Tư pháp cũng sẽ tăng cường công tác kiểm tra để hạn chế thấp nhất các rủi ro trong hoạt động này, đảm bảo quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân tham gia hợp đồng, giao dịch dân sự.

4. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Ninh: Đề nghị giao UBND cấp cơ sở thẩm quyền công chứng các giao dịch chuyển nhượng bất động sản, nhằm tạo điều kiện cho người dân tăng cường chức năng quản lý nhà nước.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Hiện nay, Luật đất đai, Luật nhà ở đều có quy định người dân được lựa chọn công chứng của tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp huyện, cấp xã đối với hợp đồng, giao dịch, bao gồm cả hợp đồng, giao dịch về bất động sản, cụ thể:

- Khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai quy định: “Việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất được thực hiện như sau: a) Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp kinh doanh bất động sản quy định tại điểm b khoản này; b) Hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các bên tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản được công chứng hoặc chứng thực theo yêu cầu của các bên; c) Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về dân sự; d) Việc công chứng thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng, việc chứng thực thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.”

Khoản 3 Điều 93 của Luật nhà ở quy định: “Hợp đồng về nhà ở phải có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với nhà ở tại đô thị, chứng thực của Ủy ban nhân dân xã đối với nhà ở tại nông thôn, trừ các trường hợp sau đây: a) Cá nhân cho thuê nhà ở dưới sáu tháng; b) Bên bán, bên cho thuê nhà ở là tổ chức có chức năng kinh doanh nhà ở; c) Thuê mua nhà ở xã hội; d) Bên tặng cho nhà ở là tổ chức.”

Tuy nhiên, công chứng và chứng thực là hai việc khác nhau, từ chủ thể, hoạt động cho tới hệ quả pháp lý và khoản thu đối với mỗi hoạt động này. Công chứng là hoạt động của Cơ quan Bỏ trợ tư pháp do công chứng viên thực hiện. Còn chứng thực là hoạt động do UBND cấp xã, cấp huyện thực hiện. Một bên là hành vi của Cơ quan bỏ trợ tư pháp, một bên là của cơ quan hành chính

Nhà nước thực hiện. Chứng thực chỉ chứng nhận sự việc, chữ ký, không chứng nhận nội dung của hợp đồng, giao dịch. Trong khi đó, công chứng phải bảo đảm về nội dung của hợp đồng, giao dịch. Chẳng hạn, khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, công chứng viên phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của giao dịch hợp đồng đó, bảo đảm giảm thiểu rủi ro, tăng cường an toàn pháp lý cho các bên tham gia giao dịch. Khi công chứng thì người dân phải nộp “phí công chứng”, còn khi chứng thực thì phải nộp “lệ phí chứng thực”. Và thông thường thì phí công chứng cao hơn mức lệ phí chứng thực đối với cùng một loại việc. Tuy nhiên, đổi lại, nếu được công chứng thì người dân nhận được sự an toàn pháp lý cao hơn.

VII. Kiến nghị về công tác thi hành án dân sự

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Tây Ninh, Ninh Thuận:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2008 quan tâm đến một số quy định sau:

- Thời hạn theo khoản 2 Điều 39 của Luật thi hành án dân sự là 03 ngày làm việc là quá ngắn, do có một số bản án tuyên một người phải thi hành cho nhiều người, cụ thể như vụ hụi gây khó khăn cho Chấp hành viên trong việc thông báo cho đương sự.

- Điều 59 Luật thi hành án dân sự quy định “Trường hợp theo bản án, quyết định mà một bên được nhận tài sản và phải thanh toán cho người khác giá trị tài sản họ được nhận, nhưng tại thời điểm thi hành án, giá tài sản thay đổi và một trong các bên đương sự có yêu cầu định giá tài sản đó thì tài sản được định giá theo quy định tại Điều 98 của Luật này để thi hành án”. Tuy nhiên, Điều 98 không quy định cụ thể việc định giá để thi hành án chia theo tỷ lệ như thế nào, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự cũng chưa quy định chi tiết.

- Việc đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án theo khoản 2, 3 Điều 61 Luật Thi hành án dân sự và tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 58 ngày 13/7/2009 quy định người phải thi hành ... nộp ít nhất 1/20 khoản phải thi hành nhưng giá trị không thấp hơn mức án phí không có giá ngạch thì được xét miễn giảm thi hành án..., nhưng giá ngạch trước đây là 50.000 đồng còn hiện nay là 200.000 đồng việc quy định trên có một số việc đủ điều kiện miễn giảm nghĩa vụ thi hành án nhưng không đáp ứng được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ ít nhất bằng 1/20 khoản phải thi hành án.

- Quyền ưu tiên mua tài sản chung chưa được quy định cụ thể về điều kiện bán tài sản, giá bán tài sản chung, cách thức thực hiện quyền ưu tiên, Chấp hành viên khi giải quyết vấn đề này phải dẫn chiếu đến Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Quy định việc xác minh “có xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố” gây ảnh hưởng đến quá trình tổ chức thi hành án do các địa bàn vùng sâu, vùng xa

việc tìm gặp Tô trường tô dân phố, tô trường tô tự quản là rất khó khăn, cán bộ Thi hành án phải đi lại nhiều lần mới gặp được dẫn đến mất nhiều thời gian.

- Điều 99 Luật thi hành án dân sự năm 2008, quy định đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản mà chưa có hướng dẫn hay quy định số lần đương sự được quyền yêu cầu định giá lại tài sản để tránh việc đương sự lợi dụng định giá lại tài sản nhằm kéo dài thời gian thi hành nghĩa vụ; và hạn chế số lần giảm giá tài sản nhằm rút ngắn thời gian tổ chức thi hành bản án.

- Điều 31 Luật thi hành án dân sự hiện hành quy định người yêu cầu thi hành án có nghĩa vụ cung cấp thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành án của người phải thi hành án là chưa phù hợp, gây khó khăn cho người yêu cầu thi hành án, vì thực tế người yêu cầu thi hành án không thể tự xác minh vấn đề này.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Luật thi hành án dân sự được Quốc hội thông qua năm 2008 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009. Quá trình triển khai thực hiện, Luật thi hành án dân sự đã góp phần khắc phục được nhiều tồn tại, hạn chế của Pháp lệnh thi hành án dân sự trước đây; kết quả thi hành án về việc và về giá trị luôn đạt cao, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức và công dân.

Tuy nhiên, qua tổng kết quá trình triển khai thực hiện Luật cũng cho thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật thi hành án dân sự năm 2008 cũng đã bộc lộ những tồn tại, vướng mắc, làm cản trở hoặc gây khó khăn cho quá trình tổ chức thi hành án. Nhận thức được điều này, Bộ Tư pháp đã đề xuất Chính phủ trình Quốc hội xem xét việc sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2008 và đã được Quốc hội đồng ý đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

Theo chương trình xây dựng luật, pháp lệnh đã được Quốc hội thông qua, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự đã được kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIII cho ý kiến và dự kiến sẽ thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII.

Quá trình triển khai xây dựng dự án Luật, Bộ Tư pháp đã tổng hợp ý kiến, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Luật, trong đó có các nội dung như cử tri đã phản ánh. Mặt khác, quá trình hoàn thiện dự án Luật, Bộ Tư pháp cũng đã thực hiện việc lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tích cực phối hợp với các cơ quan của Quốc hội tiếp thu, chỉnh lý, giải trình ý kiến của các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 để trình kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII xem xét thông qua dự án Luật.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Hải Dương: Đề nghị tiếp tục nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 về thủ tục thi hành án dân sự khi Quốc hội chưa thông qua Luật THADS sửa đổi.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS về thủ tục THADS, Bộ Tư pháp cũng đã nhận thấy những hạn chế, bất cập. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2009/NĐ-CP. Về cơ bản, Nghị định số 125/2013/NĐ-CP đã giải quyết được những hạn chế, bất cập trước đây liên quan đến thủ tục THADS quy định trong Nghị định số 58/2009/NĐ-CP. Hiện nay, một số quy định phù hợp của Nghị định số 125/2013/NĐ-CP đang tiếp tục được nghiên cứu, đưa vào quy định của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

3. Kiến nghị của cử tri tỉnh Hải Dương: Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc chuyển ngạch Chấp hành viên trung cấp đối với những người có đủ điều kiện chuyển ngạch và tổ chức thi tuyển Chấp hành viên trung cấp, sơ cấp theo quy định.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Về hướng dẫn việc chuyển ngạch Chấp hành viên trung cấp đối với những người có đủ điều kiện chuyển ngạch: Ngày 09/6/2014, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 1970/BNV-CCVC về việc thống nhất để Bộ Tư pháp chuyển ngạch Chấp hành viên trung cấp đối với các Chấp hành viên cấp huyện có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định. Hiện, Bộ Tư pháp đang chỉ đạo đơn vị chức năng thuộc Bộ tiến hành các thủ tục theo quy định và dự kiến sẽ hoàn thành việc chuyển ngạch Chấp hành viên trung cấp đối với những người có đủ điều kiện trong năm 2014.

b) Về tổ chức thi tuyển chấp hành viên sơ cấp: Trong năm 2014 (đến hết tháng 7/2014), Bộ Tư pháp đã tổ chức thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp cho 590 công chức của 63 Cục THADS tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Căn cứ kết quả thi tuyển, Bộ Tư pháp sẽ bổ nhiệm vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp đối với những công chức đạt kết quả theo quy định.

c) Về tổ chức thi nâng ngạch Chấp hành viên trung cấp: Căn cứ quy định về thi nâng ngạch công chức, trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp đã hoàn thiện Đề án thi nâng ngạch lên Thẩm tra viên chính, Chấp hành trung cấp năm 2014 trình Bộ Nội vụ phê duyệt và giao chỉ tiêu theo quy định. Sau khi Đề án được phê duyệt, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức kỳ thi nâng ngạch Chấp hành viên trung cấp theo quy định. Dự kiến việc tổ chức thi nâng ngạch sẽ được thực hiện trong Quý IV /2014.

4. Kiến nghị của cử tri tỉnh Hải Dương: Đề nghị xây dựng trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc miễn, giảm thi hành án đối với các khoản thu nộp cho ngân sách nhà nước cho những người phải thi hành án không có điều kiện thi hành, theo đó rút ngắn thời hạn xét miễn, giảm theo quy định của Điều 61 Luật THADS năm 2008 nhằm giảm tải cho cơ quan thi hành án trong thời gian dài.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc miễn thi hành án đối với một số khoản thu nộp ngân sách nhà nước không có điều kiện thi hành đã được Bộ Tư pháp triển khai thực hiện; dự thảo Nghị quyết đã được Chính phủ thông qua và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

Tại phiên họp ngày 14/5/2013, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhận thấy nhiều nội dung trong dự thảo Nghị quyết có liên quan đến quy định của Luật THADS, do đó Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị cần đưa vấn đề này vào nội dung sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự để tạo điều kiện cho việc xét miễn, giảm thi hành án có căn cứ luật định. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bộ Tư pháp đã báo cáo Chính phủ đưa dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật THADS vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014 của Quốc hội và xây dựng dự án Luật trình Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội, trong đó có nội dung liên quan đến miễn, giảm thi hành án như cử tri đã nêu. Dự thảo Luật này đã được Quốc hội khóa XIII cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7; hiện Bộ Tư pháp đang phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật để trình Quốc hội xem xét thông qua vào kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII tới đây.

5. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Dương: Hiện nay khi xử các vụ án tham nhũng làm thất thoát số tài sản, cử tri quan tâm đến việc số tài sản trong các vụ án tham nhũng đó có thu hồi được hay không, chưa có thông tin công khai cho người dân được rõ. Cử tri kiến nghị các cơ quan chức năng cần phải thông báo rõ cho người dân biết về số tài sản được thu hồi, số tài sản không được thu hồi và lý do tại sao không thể thu hồi trong mỗi vụ án tham nhũng để người dân tham gia giám sát trong công tác phòng chống tham nhũng.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Liên quan đến việc thông báo rõ cho người dân biết về số tài sản được thu hồi, số tài sản không được thu hồi và lý do tại sao không thể thu hồi trong mỗi vụ án tham nhũng để người dân tham gia giám sát trong công tác phòng chống tham nhũng là rất cần thiết, tuy nhiên, trên thực tế, hiện nay chưa có cơ chế cụ thể, rõ ràng để thực hiện có hiệu quả và kiểm soát tốt vấn đề này.

Tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIII, trong quá trình thảo luận, cho ý kiến vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự, đại biểu Quốc hội đã có ý kiến đề nghị quy định trong dự án Luật việc công khai thông tin của

người phải thi hành án trên website về THADS của Bộ Tư pháp, tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể truy cập để theo dõi, giám sát, sử dụng thông tin trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh, giao kết hợp đồng... Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ tiếp thu, giải trình các ý kiến của đại biểu Quốc hội để hoàn chỉnh dự thảo Luật, trình Quốc hội xem xét thông qua vào kỳ họp thứ 8 tới đây, trong đó có cân nhắc tới việc quy định công khai thông tin của người phải thi hành án trên website về THADS. Nếu quy định trên được Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội đồng ý bổ sung vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự và được Quốc hội thông qua thì các thông tin về người phải thi hành án sẽ được công khai trên Cổng thông tin điện tử về THADS, qua đó, giúp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo dõi công tác THADS nói chung cũng như việc tổ chức thi hành các vụ án tham nhũng nói riêng, đồng thời, cũng sẽ phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng tốt hơn.

6. Kiến nghị của cử tri tỉnh Cà Mau: Cử tri phản ánh hiện nay, công tác thi hành án chưa được cơ quan thi hành án tổ chức thực hiện đạt hiệu quả, số lượng án chưa được thi hành còn tồn đọng rất lớn. Có nhiều trường hợp đủ điều kiện để thi hành án nhưng cơ quan thi hành án không thực hiện thi hành án dẫn đến thiệt hại về kinh tế, mất thời gian cho những người có quyền lợi liên quan. Cử tri kiến nghị Trung ương chỉ đạo các ngành chức năng có giải pháp chấn chỉnh, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hạn chế thấp nhất số lượng án chưa được thi hành.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Xác định việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ THADS theo Nghị quyết số 37/2012/QH13 của Quốc hội là một trong những nhiệm vụ trung tâm của các cơ quan THADS. Vì vậy, Bộ Tư pháp đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, toàn diện, từ tổ chức cán bộ đến quản lý, điều hành; thanh tra, kiểm tra... Do đó, trong những năm qua, công tác THADS đã đạt được những kết quả đáng kể. Kết quả năm sau luôn cao hơn năm trước. Riêng, 9 tháng đầu năm 2014, mặc dù tình hình kinh tế đất nước vẫn còn khó khăn, thị trường bất động sản vẫn còn trầm lắng, số việc và tiền thụ lý mới tăng cao đột biến so với cùng kỳ năm 2013 (tăng: 33.998 việc và tăng: 10.786.707.594.000 đồng) nhưng các cơ quan THADS đã giải quyết xong số việc: 338.483 việc (tăng: 32.294 việc so với cùng kỳ năm 2013) tương ứng với số tiền giải quyết xong: 21.000.818.399.000 đồng (tăng: 5.715.669.195.000 đồng so với cùng kỳ năm 2013). Kết quả thi hành án về việc đạt 65,63%, về tiền đạt 35,30%; công tác phân loại án tiếp tục có tiến bộ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác THADS thời gian qua vẫn còn một số hạn chế. Đặc biệt, là số việc chuyển kỳ sau còn lớn. Một số trường hợp án có điều kiện thi hành án nhưng cơ quan thi hành án chưa chủ động thực hiện dẫn đến thiệt hại về kinh tế, mất thời gian cho những người có quyền lợi liên quan. Để giải quyết vấn đề này, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với các

cơ quan chức năng nghiên cứu, đề ra các giải pháp và chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Tiếp tục chỉ đạo sát sao các cơ quan THADS, các Chấp hành viên trong việc rà soát, phân loại và xử lý số việc và giá trị THADS tồn đọng; phát huy hơn nữa tính chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức thi hành án; tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giải quyết số việc và tiền chuyển kỳ sau, khẩn trương và nghiêm túc rà soát lại toàn bộ hồ sơ thi hành án chưa thi hành xong, xác minh và xác minh lại điều kiện thi hành án để tiến hành phân loại án theo đúng quy định của pháp luật. Chú trọng công tác miễn, giảm thi hành án trong các cơ quan THADS. Đối với các vụ việc có đủ điều kiện miễn, giảm thì phải lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm theo quy định của Luật THADS năm 2008.

- Có biện pháp thi hành kiên quyết đối với những việc thi hành án đã xác định là có đủ điều kiện thi hành, hạn chế tồn đọng kéo dài tránh để xảy ra tình trạng đương sự có thời gian tẩu tán tài sản. Đối với những vụ việc có vướng mắc, các Chấp hành viên cần phải tiến hành trao đổi và tìm cách giải quyết có hiệu quả hoặc báo cáo Lãnh đạo Cục THADS để chỉ đạo tháo gỡ kịp thời, trường hợp phức tạp thì báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Tổng cục THADS hoặc Ban Chỉ đạo thi hành án.

- Duy trì và phát huy tốt hơn nữa công tác phối hợp liên ngành từ Trung ương đến địa phương; các cơ quan THADS địa phương cần tiếp tục tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo THADS các cấp và sự phối hợp của các ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án... để chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết thi hành án.

- Chỉ đạo chân chính thực hiện nghiêm trong toàn Ngành về công tác quản lý về bồi thường Nhà nước trong lĩnh vực THADS, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục thi hành án, hạn chế thấp nhất sai sót, vi phạm dẫn đến phải thực hiện bồi thường Nhà nước; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Với một số giải pháp như trên, sự nỗ lực phấn đấu của các cơ quan THADS, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của các Bộ, ban, ngành và địa phương, Bộ Tư pháp tin tưởng trong thời gian tới, công tác THADS sẽ đạt được nhiều kết quả tích cực, hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ THADS theo Nghị quyết của Quốc hội đã giao.

7. Kiến nghị của cử tri tỉnh Hà Tĩnh: Đề nghị hướng dẫn, giải thích các vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Luật thi hành án dân sự để bảo đảm thống nhất thực hiện.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trên cơ sở Luật THADS năm 2008, đã có rất nhiều văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật, cho đến nay, nhìn chung hệ thống VBQPPL về

THADS đã cơ bản đầy đủ và đáp ứng yêu cầu, tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai áp dụng đã bộc lộ những bất cập, khó khăn, vướng mắc. Do vậy, Bộ Tư pháp đã đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số văn bản, trong đó có các văn bản quan trọng, như: Nghị định số 125/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS về thủ tục THADS; Nghị định số 135/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 quy định về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục THADS hoặc theo thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản như: Thông tư liên tịch sửa đổi Thông tư liên tịch số 144/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 22/09/2010 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí THADS; Thông tư liên tịch sửa đổi Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010; Thông tư liên tịch về thống kê THADS...

Tiếp thu ý kiến của cử tri, Bộ Tư pháp đã và đang chỉ đạo đơn vị chức năng tăng cường công tác hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, giải quyết kịp thời những vụ việc cụ thể khi có đề nghị của các cơ quan THADS. Cùng với đó, hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ tiếp thu, chỉnh lý, hoàn chỉnh dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, ngay sau khi dự án Luật được Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp sẽ chủ động, kịp thời tham mưu ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật để các quy định của Luật sớm đi vào cuộc sống, hạn chế các vướng mắc hiện nay đang gặp phải.

VIII. Kiến nghị về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật

Kiến nghị của cử tri tỉnh Tiền Giang, An Giang: Kiến nghị Chính phủ sớm ban hành đầy đủ các văn bản quy định để tổ chức triển khai Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2012 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2013 vừa qua; nhằm tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan thực thi pháp luật thuận tiện trong việc áp dụng và xử lý hành chính với mức phạt nghiêm khắc hơn đối với các hành vi vi phạm chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhất là đối với các hành vi trộm cắp tài sản (trộm gà, trộm chó, cây kiềng...).

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 20/6/2012, Quốc hội ban hành Luật xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC) và Nghị quyết số 24/2012/QH13 về việc thi hành Luật XLVPHC. Để triển khai thi hành Luật XLVPHC, ngày 05/10/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1473/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển

khai và Danh mục Nghị định quy định chi tiết Luật XLVPHC. Trên cơ sở đó, tính đến ngày 15/7/2014, Chính phủ đã ban hành 52 nghị định. Hiện tại, còn 02 nghị định chưa được ban hành là Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai và Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Đối với hai nghị định này, thời gian dự kiến trình Chính phủ xem xét, ban hành vào tháng 9/2014.

Bên cạnh các nghị định do Chính phủ ban hành, tính đến ngày 15/7/2014, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành 16 thông tư, thông tư liên tịch hướng dẫn các nghị định quy định chi tiết Luật XLVPHC. Trong thời gian tới, sau một thời gian áp dụng Luật XLVPHC, nghị định quy định chi tiết Luật XLVPHC và thông tư, thông tư liên tịch hướng dẫn, qua công tác theo dõi thi hành pháp luật, trong trường hợp cần thiết, các Bộ, cơ quan ngang Bộ sẽ tiếp tục đề xuất trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định đã ban hành và ban hành theo thẩm quyền các thông tư hướng dẫn cần thiết để các văn bản ban hành thật sự có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi.

Như vậy, với sự tập trung, nỗ lực của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với Bộ Tư pháp, tính đến thời điểm này, nhiệm vụ xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật XLVPHC về cơ bản đã hoàn thành, tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng, thực thi pháp luật.

Riêng đối với hành vi trộm cắp tài sản, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (trộm gà, trộm chó, cây kiểng...), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình, tại Điều 15 của Nghị định về vi phạm quy định về gây thiệt hại đến tài sản của người khác đã quy định rất cụ thể hành vi vi phạm (trộm cắp tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác, dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác) và mức xử phạt cụ thể đối với từng hành vi. Vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền xử phạt cần căn cứ vào Nghị định số 167/2013/NĐ-CP để xử phạt đối với các hành vi trộm cắp tài sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

IX. Kiến nghị về công tác tổ chức cán bộ

Kiến nghị của cử tri tỉnh Nghệ An: Đề nghị Chính phủ có phương án bổ sung biên chế, thành lập bộ phận chuyên trách về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL ở Sở Tư pháp, sớm ban hành các chế độ, chính sách đặc thù cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL tại các cơ quan tư pháp hoặc cán bộ pháp chế chuyên trách, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ yên tâm công tác. Đồng thời có văn bản quy định về kinh phí hỗ trợ hoạt động kiểm tra, rà soát văn bản QPPL để công tác này được tiến hành có chất lượng và hiệu quả.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Về việc bổ sung biên chế, thành lập bộ phận chuyên trách về rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL ở Sở Tư pháp:

Bộ Tư pháp nhận thấy, nhiệm vụ rà soát, hệ thống hoá VBQPPL là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Sở Tư pháp. Căn cứ Luật ban hành VBQPPL, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/2/2013 về rà soát, hệ thống hoá VBQPPL, trong đó đặt ra những yêu cầu, nội dung nhiệm vụ mới đối với công tác rà soát, hệ thống hoá VBQPPL nói chung và của Sở Tư pháp nói riêng. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới được giao, việc kiện toàn tổ chức, biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ là hết sức cần thiết.

Về vấn đề tổ chức, theo Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28/4/2009 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã, bao gồm Thanh tra, Văn phòng Sở và các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm quản lý của công tác tư pháp cụ thể của địa phương, Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tên gọi và số lượng các phòng nghiệp vụ để bao quát các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở, nhưng số lượng các phòng nghiệp vụ không quá 05 đối với các tỉnh, không quá 07 đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ, qua theo dõi, các địa phương đã giao nhiệm vụ rà soát, hệ thống hoá văn bản cho Phòng Kiểm tra VBQPPL hoặc Phòng Xây dựng văn bản của Sở Tư pháp. Việc phân công nhiệm vụ nêu trên cơ bản là hợp lý trong điều kiện thực hiện quản lý đa ngành, đa lĩnh vực (số lượng các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở là 27 lĩnh vực công tác pháp luật và tư pháp), bảo đảm được thuận lợi trong tổ chức công việc, tạo sự liên kết, hỗ trợ giữa mảng việc xây dựng, kiểm tra và rà soát, hệ thống hoá VBQPPL.

Về vấn đề biên chế, biên chế và quyết định biên chế đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức trên cơ sở Luật cán bộ, công chức. Theo đó, việc quyết định biên chế được thực hiện trên cơ sở các căn cứ về vị trí việc làm, quy mô, khối lượng công việc tại địa phương... và theo đề xuất cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do vậy, đề nghị các địa phương cần chủ động rà soát lại khối lượng công việc, tình hình đội ngũ cán bộ hiện có để có đề xuất về việc bổ sung biên chế.

Mặt khác, Bộ Tư pháp cũng đã, đang và sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ trong việc tham mưu, trình Chính phủ quyết định phương án biên chế theo

quy định của pháp luật để bảo đảm triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

b) Về việc sớm ban hành chế độ đặc thù cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hoá văn bản QPPL tại các cơ quan tư pháp hoặc cán bộ pháp chế chuyên trách, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ này yên tâm công tác:

Trong thời gian qua, việc nghiên cứu, xây dựng các chế độ, chính sách đặc thù đối với cán bộ của ngành Tư pháp nói chung, trong đó có đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hoá văn bản QPPL tại các cơ quan tư pháp hoặc cán bộ pháp chế chuyên trách luôn được quan tâm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ yên tâm công tác. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, thì người làm công tác pháp chế được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chế độ ưu đãi nghề đối với cán bộ làm công tác pháp chế.

Tuy nhiên, theo Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020, vấn đề về chính sách tiền lương sẽ được nghiên cứu, xây dựng trong tổng thể chung. Và trong thời gian Trung ương chưa thông qua Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp nói chung thì sẽ “không bỏ sung các loại phụ cấp ưu đãi, trách nhiệm, đặc thù theo ngành, nghề”, trong đó có chế độ ưu đãi theo nghề đối với cán bộ làm công tác pháp chế.

Do vậy, hiện nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa thể ban hành các quy định về quy định chế độ đặc thù cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hoá văn bản QPPL tại các cơ quan tư pháp hoặc cán bộ pháp chế chuyên trách. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tích cực phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan tiếp tục đề xuất quy định về phụ cấp ưu đãi nghề cho các công chức, viên chức ngành Tư pháp, trong đó có công chức làm nhiệm vụ xây dựng, kiểm tra VBQPPL.

c) Về việc có văn bản quy định về kinh phí hỗ trợ hoạt động kiểm tra, rà soát văn bản QPPL để công tác này được tiến hành có chất lượng, hiệu quả:

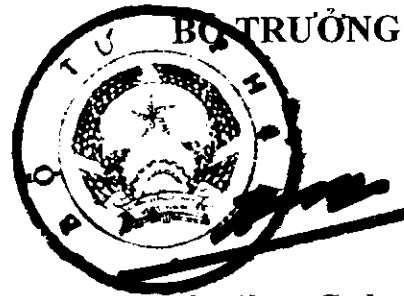
Để bảo đảm điều kiện triển khai công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá VBQPPL, căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý VBQPPL, Bộ Tư pháp đã phối hợp cùng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá VBQPPL.

Thông tư số 122/2011/TTLT-BTC-BTP cũng quy định: căn cứ khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào dự toán ngân sách được giao quy định cụ thể mức chi của cơ quan, đơn vị trực thuộc nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định hoặc khung mức chi quy định tại Thông tư liên tịch này.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp trả lời 37 kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XIII (28 kiến nghị do Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội chuyển; 09 kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, xin kính gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, trả lời cử tri./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để theo dõi, thực hiện);
- Các Sở Tư pháp, Cục THADS (nơi có kiến nghị);
- Công TTĐT (đăng trang Hướng dẫn nghiệp vụ);
- Lưu: VT, TH.



Hà Hùng Cường